|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT ...................  **TRƯỜNG TIỂU HỌC .................**  Số:.../KH-THPcD | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *… , ngày … tháng … năm 2….* |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

**trường Tiểu học …………….**

**Giai đoạn 2020-2025**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV, CBQL trường Tiểu học ……………… được xây dựng dựa trên những căn cứ cơ bản dưới đây:

+ Thông tư 28/2010/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

+ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

+ [Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT](https://luatminhkhue.vn/thong-tu-16-2017-tt-bgddt-khung-vi-tri-viec-lam-so-luong-nguoi-lam-co-so-giao-duc-pho-thong.aspx) ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

+ Thông tư số 27/20117/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử GV làm tổng phụ trách đội thiếu niên tiền phong HCM trong các cơ sở GDPT công lập;

+ Thông tư 29/2017/TT-BGDĐT Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

+ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

+ Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường TH;

+ Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

+ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, ban hành CTGDPT

+ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;

+ Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 Bộ GDĐT quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển của nhà trường, quy mô phát triển trường Tiểu học ………………..;

- Căn cứ tình hình đội ngũ GV, NV, CBQL hiện nay của trường Tiểu học ……..

**II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý của nhà trường năm học 2020-2021**

Tổng số GV, NV, CBQL: 84

* Xếp hạng nhà trường: 2
* Số lượng lớp học: 46
* Số lượng học sinh: 2155
* Sĩ số học sinh/lớp: 46.8
* Số lượng tổ/khối chuyên môn: 7
* Số lượng giáo viên: 67
* Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1.5
* Số lượng nhân viên: 14
* Số lượng cán bộ quản lí: 3

**Thông tin chi tiết**

| **TT** | **Đối tượng đánh giá**[[1]](#footnote-1) | **Số lượng** | **Giới tính** | | **Độ tuổi** | | | | **Trình độ**  **đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Nam* | *Nữ* | *Dưới 25* | *Từ 25 đến dưới 35* | *Từ 35 đến dưới 45* | *Trên 45* | *Cao đẳng* | *Đại học* | *Sau đại học* |  |
|  | **Cán bộ quản lý** | **3** |  | **3** |  |  | **1** | **2** |  | **2** | **1** | **Đủ** |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 2 |  | 2 |  |  | 1 | 1 |  | 1 | 1 |  |
|  | **Giáo viên** | **67** | **2** | **65** | **6** | **28** | **24** | **8** | **3** | **64** |  | **Đủ** |
|  | ***Giáo viên dạy môn cơ bản*** | ***52*** | ***1*** | ***51*** | 6 | 22 | 16 | 8 | 2 | 50 |  |  |
|  | Tiếng Việt | ***52*** | ***1*** | ***51*** | 6 | 22 | 16 | 8 | 2 | 50 |  |  |
|  | Toán | ***52*** | ***1*** | ***51*** | 6 | 22 | 16 | 8 | 2 | 50 |  |  |
|  | Đạo đức | ***52*** | ***1*** | ***51*** | 6 | 22 | 16 | 8 | 2 | 50 |  |  |
|  | Tự nhiên và Xã hội | 29 |  | 29 | 3 | 15 | 10 | 4 | 2 | 32 |  |  |
|  | Lịch sử và Địa lí | 17 | 1 | 16 | 2 | 6 | 5 | 4 |  | 17 |  |  |
|  | Khoa học | 17 | 1 | 16 | 2 | 6 | 5 | 4 |  | 17 |  |  |
|  | ***Giáo viên dạy môn chuyên biệt*** | ***14*** | ***1*** | ***13*** |  | ***6*** | ***8*** |  | ***1*** | ***13*** |  | **Đủ** |
| 9 | Ngoại ngữ 1 | 3 |  | 3 |  |  | 3 |  |  | 3 |  |  |
| 10 | Tin học và công nghệ | 2 |  | 2 |  | 1 | 1 |  |  | 2 |  |  |
| 11 | Giáo dục thể chất | 3 | 1 | 2 |  | 3 |  |  |  | 3 |  |  |
| 12 | Âm nhạc | 3 |  | 3 |  |  | 3 |  |  | 2 |  |  |
| 13 | Mỹ Thuật | 3 |  |  |  | 2 | 1 |  | 1 | 2 |  |  |
| 14 | Tiếng dân tộc thiểu số | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Công tác Đoàn/Đội | 1 |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  |
|  | **Nhân viên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Thư viện, thiết bị | 2 |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 1 |  |  |
| 17 | Kế toán | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  |
| 18 | Văn thư, thủ quỹ | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  |
| 19 | Y tế | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| 20 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Giáo vụ *(áp dụng đối với trường dành cho người khuyết tật)* | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Thực trạng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý theo yêu cầu thực hiện** [**chương trình giáo dục phổ thông 2018**](https://luatminhkhue.vn/muc-tieu-chung-cua-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-la-gi.aspx)

**2.1 Thực trạng đội ngũ giáo viên**

***Điểm mạnh:*** Số lượng đủ theo định mức 1.5 GV/lớp; đủ các môn học.

Đội ngũ khối trưởng chắc tay nghề, có kinh nghiệm và uy tín trong tập thể khối, tích cực học hỏi kiến thức, phương pháp dạy học mới và có ý thức xây dựng khối, kèm cặp các giáo viên mới, giáo viên trẻ.

Giáo viên đa số tay nghề cao, yêu nghề, say mê công việc, tất cả vì học sinh; ủng hộ các chủ trương của nhà trường. Các giáo viên trẻ tích cực, chủ động nâng cao tay nghề.

100% sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả;

65% tư vấn và hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục

90% phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục

***Điểm tồn tại, hạn chế:***

Sử dụng ngoại ngữ còn nhiều hạn chế 80%. Một số giáo viên tuổi cao, việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh 10%.

Nhà trường còn 03 giáo viên trình độ cao đẳng, cần học đại học để đạt chuẩn.

**2.2. Thực trạng cán bộ quản lý**

***Điểm mạnh:***

* Số lượng BGH đủ theo quy định, có trình độ chuyên môn cao, có uy tín, kinh nghiệm quản lý, được sự ủng hộ của GVNV nhà trường.
* BGH đoàn kết, phối hợp nhịp nhàng trong các hoạt động chỉ đạo; phân công nhiệm vụ rõ ràng, tích cực, chủ động trong công việc; tổ chức các hoạt động nhà trường; Biết phát huy sức mạnh của đội ngũ giáo viên cốt cán, đội ngũ khối trưởng, giáo viên trẻ và những giáo viên có năng lực.
* Tích cực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường
* Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018
* Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh theo hướng tiếp cận năng lực

Quản trị chất lượng giáo dục đáp ứng CTGDPT 2018

* Tích cực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để phát triển nhà trường
* Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và lãnh đạo nhà trường thực hiện CTGDPT 2018

***Điểm tồn tại, hạn chế:***

- BGH sử dụng ngoại ngữ chưa thành thạo.

**2.3. Thực trạng đội ngũ nhân viên**

***Điểm mạnh:***

* Nhân viên kế toán, văn thư, y tế có nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình trong công tác
* Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường
* Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường

- Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

**3. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2020-2025**

Bồi dưỡng chuyên môn giáo viên đáp ứng chương trình GD tổng thể 2018, đặc biệt là bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trẻ, mới công tác tại nhà trường.

**III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

1. ***Xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL cần bổ sung theo lộ trình thực hiện CT GDPT 2018 cấp tiểu học***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học**  **Đội ngũ** | **Số lượng hiện có** | **Số lượng dự báo theo các năm** | | | | | **Ghi chú** |
| 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
| **Cán bộ quản lý** | **3** | **3** | **3** | **3** | **3** | **3** |  |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| **Giáo viên** | **67** | **67** | **67** | **67** | **67** | **67** |  |
| ***Giáo viên dạy môn cơ bản và hoạt động giáo dục*** | ***52*** | ***52*** | ***52*** | ***52*** | ***52*** | ***52*** |  |
| Tiếng Việt | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 |  |
| Toán | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 |  |
| Đạo đức | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 |  |
| Tự nhiên và Xã hội |  |  |  |  |  |  |  |
| Lịch sử và Địa lí |  |  |  |  |  |  |  |
| Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoạt động trải nghiệm | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 | 52 |  |
| ***Giáo viên dạy môn chuyên biệt*** | **14** | **14** | **14** | **14** | **14** | **14** |  |
| Ngoại ngữ 1 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Tin học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| Giáo dục thể chất | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Âm Nhạc | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Mỹ thuật | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Tiếng dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Công tác Đoàn/Đội | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **Nhân viên** | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** |  |
| Thư viện, thiết bị | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Kế toán | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Văn thư, thủ quỹ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Y tế | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |

***2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2020-2025 đáp ứng CT GDPT 2018 cấp tiểu học***

- Xây dựng đội ngũ CB, NV, CBQL vững về tay nghề, phẩm chất đạo đức lối sống chuẩn mực, hết long tận tụy với công việc.

- Tạo được niềm tin đối với nhân dân, giúp phụ huynh an tâm khi gửi con tại trường.

- Tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên về phương pháp đổi mới phương pháp dạy bộ môn.

- Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, nhân viên, CBQL đáp ứng chương trình GDPT 2018.

**IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

***1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học***

***2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học***

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã ra Quyết định phân công nhiệm vụ cho CBGV, NV đảm bảo đúng người, đứng việc, sử dụng hiệu quả đội ngũ, đảm bảo nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích.

Phân công 10 giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt (đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng được cấp chứng chỉ) thực hiện dạy lớp 1 trong năm học đầu tiên thực hiện CTGDPT 2018 (năm học 2020-2021)

***3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018***

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo vien theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

- Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực yếu hơn để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018.

- Mời giảng viên về bồi dưỡng cho giáo viên ngay tại nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả các giờ dạy cho học sinh.

***4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018***

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn hang tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

***5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018***

Nhằm tạo môi trường để GV, NG, CBQL luôn học hỏi lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức.

- Nhà trường đã xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường cùng thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021, lấy kinh nghiệm để triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học…

- Kết hợp cộng đồng học tập giữa các trường trong cùng quận để hỗ trợ nhau phát triển chuyên môn thông qua hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm.

***6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ***

- Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ CBGV, NV thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất… từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường.

- Hàng tháng, nhà trường họp đánh giá xếp loại CBGV, NV trên cơ sở đánh giá chất lượng hoàn thành công việc được giao và kịp thời xử lý vi phạm (nếu có).

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÁP**

***1. Tổ chức thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học***

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN CHO GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG TH …………..

***\* Giáo viên cơ bản***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **GVCN lớp** | **Số tiết/ tuần** | **Kiêm nhiệm khác** | **Ghi chú** |
| 1 |  | 1A1 | 27 |  |  |
| 2 |  | 1A2 | 27 |  |  |
| 3 |  | 1A3 | 27 |  |  |
| 4 |  | 1A4 | 27 |  |  |
| 5 |  | 1A5 | 27 |  |  |
| 6 |  | 1A6 | 27 |  |  |
| 7 |  | 1A7 | 27 |  |  |
| 8 |  | 1A8 | 27 |  |  |
| 9 |  | 1A9 | 27 | KTCM |  |
| 10 |  | 1A10 | 27 | KPCM |  |
| 11 |  | 2A1 | 29 | KTCM |  |
| 12 |  | 2A2 | 29 |  |  |
| 13 |  | 2A3 | 29 |  |  |
| 14 |  | 2A4 | 29 |  |  |
| 15 |  | 2A5 | 29 |  |  |
| 16 |  | 2A6 | 29 |  |  |
| 17 |  | 2A7 | 29 |  |  |
| 18 |  | 3A1 | 27 | KTCM |  |
| 19 |  | 3A2 | 27 | KPCM |  |
| 20 |  | 3A3 | 27 |  |  |
| 21 |  | 3A4 | 27 |  |  |
| 22 |  | 3A5 | 27 |  |  |
| 23 |  | 3A6 | 27 |  |  |
| 24 |  | 3A7 | 27 |  |  |
| 25 |  | 3A8 | 27 |  |  |
| 26 |  | 3A9 | 27 |  |  |
| 27 |  | 3A10 | 27 |  |  |
| 28 |  | 3A11 | 27 |  |  |
| 29 |  | 3A12 | 27 |  |  |
| 30 |  | 4A1 | 26 | KTCM |  |
| 31 |  | 4A2 | 26 | KPCM |  |
| 32 |  | 4A3 | 26 |  |  |
| 33 |  | 4A4 | 26 |  |  |
| 34 |  | 4A5 | 26 |  |  |
| 35 |  | 4A6 | 26 |  |  |
| 36 |  | 4A7 | 26 |  |  |
| 37 |  | 4A8 | 26 |  |  |
| 38 |  | 4A9 | 26 |  |  |
| 39 |  | 5A1 | 26 |  |  |
| 40 |  | 5A2 | 26 | KTCM |  |
| 41 |  | 5A3 | 26 |  |  |
| 42 |  | 5A4 | 26 |  |  |
| 43 |  | 5A5 | 26 |  |  |
| 44 |  | 5A6 | 26 | KPCM |  |
| 45 |  | 5A7 | 26 |  |  |
| 46 |  | 5A8 | 26 |  |  |

***\* Nhiệm vụ giáo viên bộ môn:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ** | **Số tiết/ tuần** | **Kiêm nhiệm khác** | **Ghi chú** |
| 1 |  | GV Nhạc | 18 | KTVTM |  |
| 2 |  | GV Nhạc | 16 |  |  |
| 3 |  | GV Nhạc | 20 |  |  |
| 4 |  | GV MT | 19 |  |  |
| 5 |  | GV MT | 18 |  |  |
| 6 |  | GV MT | 19 |  |  |
| 7 |  | GV TD | 28 |  |  |
| 8 |  | GV TD | 24 |  |  |
| 9 |  | GV TD | 20 |  |  |
| 10 |  | GV TA | 20 | KT TA- Tin |  |
| 11 |  | GV TA | 20 |  |  |
| 12 |  | GV TA | 18 |  |  |
| 13 |  | GV Tin | 28 |  |  |
| 14 |  | GV Tin | 30 |  |  |

***\* Nhân viên:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ** | **Ghi chú** |
| 1 |  | Kế toán |  |
| 2 |  | Văn thư- Thủ quỹ |  |
| 3 |  | Thư viện |  |
| 4 |  | Y tế |  |
| 5 |  | Thiết bị |  |

***2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018***

BẢNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRƯỜNG TH ………..

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG** | **CÁCH THỨC BỒI DƯỠNG** | **CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN BỒI DƯỠNG** |
| Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học | Giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học cho học sinh theo hướng phát triển phẩm chất. | - Tập huấn | - Giáo viên. |
| Năng lực kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực | Đánh giá, kiểm tra học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực | - Tập huấn | - Giáo viên. |
| Năng lực xây dựng văn hóa nhà trường | Tạo môi trường văn hóa trong trường học | - Tập huấn | - Giáo viên. |
| Năng lực phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội. | Tạo mối liên hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. | - Tập huấn, giao lưu, cùng tham gia kết các hoạt động giữa CMHS và nhà trường | - BGH, giáo viên |
| Năng lực quản trị dạy và học trong trường | Quản lý tốt công tác dạy và học trong nhà trường | - Tham gia các lớp bồi dưỡng | - CBQL. |
| Năng lực quản trị nhân sự | Quản lý tốt nhân sự trong nhà trường | - Tập huấn, bồi dưỡng | - CBQL |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT quận;  - KTCM;  - Lưu VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **………………………** |

1. Dựa vào Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [↑](#footnote-ref-1)